

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ- ST
Ngày 03-5-2018
V/v ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Trung Dũng

- Bà Nguyễn Hoàng Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Thi- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-4-2018 giữa;

Nguyên đơn: Anh Thái Minh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ x, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái- Vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 27-02-2018 anh Thái Minh T trình bày: Tôi và cô Nguyễn Thị S kết hôn với nhau ngày 15-4-1998. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô S đi ngoại tình với người đàn ông khác và đã có một người con riêng. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2004. Nay tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô S.

Về con chung: Tôi và cô S có một con chung tên là Thái Minh D, sinh ngày 25-7-1997. Hiện nay cháu D đang ở với tôi và đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 11-03-2018 bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Tôi và anh Thái Minh T kết hôn với nhau năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc. Đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2004. Nay tôi xác định tình cảm không còn, anh T xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và anh T có một con chung tên là Thái Minh D, sinh ngày 25-7-1997. Hiện nay cháu D đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tòa án đã triệu tập chị S để tiến hành hòa giải nhưng chị S vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành giải quyết vụ án nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử cho anh Thái Minh

T được ly hôn chị Nguyễn Thị S; anh Thái Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Anh Thái Minh T và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau ngày 15-4-1998. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị S chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Anh T và chị S đã sống ly thân từ năm 2004. Anh T xác định tình cảm không còn xin được ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay chị S vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị S cũng xác định tình cảm với anh T không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý. Qua xác minh tại nơi cư trú của anh T và chị S trong thời gian anh chị chung sống cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị S là do tính tình không hợp, anh chị đã sống ly thân từ năm 2004. Như vậy mâu thuẫn giữa anh T và chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh T được ly hôn chị Sinh.

{4} *Về con chung:* Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề này không đặt ra nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

{5} *Về tài sản chung:* Không có

{6} *Về nợ chung:* Không có

{7} *Về án phí:* Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

{8} *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 1 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử:* Anh Thái Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị S

2- *Về án phí:* Anh Thái Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2013/04723 ngày 27-02-2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3- *Quyền kháng cáo:*

Anh Thái Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
- UBND phường Y,
Thành phố Y, Tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh